

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHTN)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Vùng ĐBSH tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống do

- A. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời với nền sản xuất lúa nước phát triển.
- B. có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.
- C. nền kinh tế phát triển nhanh với nhiều làng nghề truyền thống.
- D. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Vật liệu xây dựng.
- B. Cơ khí.
- C. Hóa chất.
- D. Đóng tàu.

Câu 3: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.
- B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
- C. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, khu chế xuất mới.
- D. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

Câu 4: Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

- A. áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.
- B. tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
- C. nâng cao trình độ cho người lao động.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, dọc theo bờ biển của vùng DHNTB theo hướng từ Bắc vào Nam ta lần lượt gặp các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- B. Vân Phong, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên.
- C. Vân Phong, Nam Phú Yên, Nhơn Hội, Dung Quất, Chu Lai.
- D. Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

Câu 6: Theo bảng số liệu “Diện tích và sản lượng lúa nước ta, giai đoạn 2010 – 2017” ở câu 30, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa thì loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Cột ghép.
- D. Tròn.

Câu 7: Với vị trí tiếp giáp vùng Đông Nam Bộ, trong phát triển kinh tế vùng ĐBSCL có thuận lợi về

- A. nguồn lao động có tay nghề cao và cơ sở vật chất kĩ thuật.
- B. thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn năng lượng.
- C. công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- D. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Câu 8: Địa điểm nổi tiếng về trồng rau và hoa quả ôn đới ở vùng Tây Nguyên là

- A. TP Pleiku.
- B. TP Buôn Ma Thuột.
- C. TP Đà Lạt.
- D. TP Kon Tum.

Câu 9: Tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất vùng Tây Nguyên là

- A. Gia Lai.
- B. Kon Tum.
- C. Đắk Lắk.
- D. Lâm Đồng.

Câu 10: Các cánh đồng muối ở vùng DHNTB có sản lượng vào loại lớn nhất nước ta là

- A. Diêm Điền, Tĩnh Gia.
- B. Văn Lý, Cà Ná.
- C. Cà Ná, Sa Huỳnh.
- D. Thạch Khê, Phan Rang.



Câu 11: Ý nào **không đúng** khi nói về việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường bộ ở vùng DHNTB?

- A. Làm tăng vai trò trung chuyển, nối các tỉnh miền Bắc với miền Nam.
- B. Đẩy mạnh giao lưu với TP Đà Nẵng và TP HCM.
- C. Hình thành các khu kinh tế cảng biển.
- D. Tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

Câu 12: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng ĐBSCL là

- A. đất phù sa ngọt. B. đất cát. C. đất mặn. D. đất phèn.

Câu 13: Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng

- A. điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt.
- B. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật, bảo tồn các nguồn gen.
- C. ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc.
- D. chống sạt lở đất, ngăn ảnh hưởng của nước mặn vào sâu trong đất liền.

Câu 14: Ý nào đúng nhất khi nói về giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên?

- A. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải.
- B. Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn, kinh tế hộ gia đình.
- D. Bổ sung lao động cho vùng, thu hút nguồn lao động từ các vùng khác đến.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Long Xuyên. D. Rạch Giá.

Câu 16: Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng DHNTB là

- A. sông Bến Hải. B. dãy núi Hoàng Sơn. C. dãy núi Bạch Mã. D. sông Gianh.

Câu 17: Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về tiêu chí của vấn đề khai thác theo lãnh thổ theo chiều sâu?

- A. Nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, khoa học công nghệ.
- B. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
- C. Ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.
- D. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Đắk Krông?

- A. Yaly. B. Vĩnh Sơn. C. Đa Nhim. D. Dray Hling.

Câu 19: Bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng DHNTB?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang. B. Thiên Cầm, Chân Mây.
- C. Mỹ Khê, Sa Huỳnh. D. Cà Ná, Mũi Né.

Câu 20: Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng TD&MN Bắc Bộ là do

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.
- B. phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.
- C. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.
- D. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.

Câu 21: Các nhà máy thủy điện lớn: Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang thuộc vùng TD&MN Bắc Bộ được xây dựng trên các con sông lần lượt là

- A. sông Đà, sông Gâm, sông Lô.
- B. sông Đà, sông Chảy, sông Gâm.
- C. sông Chảy, sông Lô, sông Gâm.
- D. sông Hồng, sông Chảy, sông Gâm.

Câu 22: Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng TD&MN Bắc Bộ là

- A. trình độ chăn nuôi còn yếu kém, khâu chế biến chưa phát triển.
- B. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- C. ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.
- D. công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến thị trường tiêu thụ.

Câu 23: Biện pháp nào sau đây **không đúng** về sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở vùng ĐBSCL?

- A. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.
- B. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
- C. Tạo ra các giống lúa chịu được phèn, mặn.
- D. Phát triển thủy lợi, khai thác có hiệu quả nguồn nước ngầm.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây ở TD&MN Bắc Bộ vừa giáp ĐBSH vừa giáp với Bắc Trung Bộ?

- A. Hòa Bình.
- B. Phú Thọ.
- C. Thái Nguyên.
- D. Bắc Giang.

Câu 25: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở vùng ĐBSH diễn ra theo hướng

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng ngành thủy sản thay đổi không đáng kể.
- B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, tăng nhanh tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 26: Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên cần phải

- A. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- B. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.
- C. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.
- D. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng.

Câu 27: Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt là do

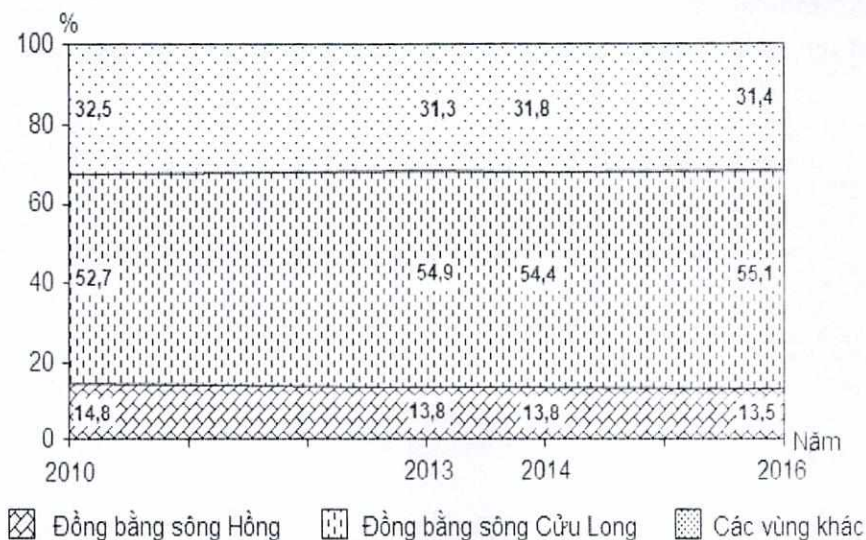
- A. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.
- B. môi trường biển bị ô nhiễm.
- C. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.
- D. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.

Câu 28: Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Long An.
- B. Tây Ninh.
- C. Tiền Giang.
- D. Bình Thuận.

Câu 29: Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. ĐBSCL giảm, các vùng khác tăng.
C. ĐBSCL và các vùng khác tăng.

- B. ĐBSH tăng, các vùng khác giảm.
D. ĐBSH giảm, ĐBSCL tăng.

Câu 30: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2011	2016	2017
Diện tích (nghìn ha)	7489,4	7655,4	7742,7	7716,6
Sản lượng (nghìn tấn)	40005,6	42398,5	43157,3	42839

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2019)

Theo bảng số liệu, năng suất lúa của nước ta năm 2017 là bao nhiêu tạ/ha?

- A. 55.5 tạ/ha. B. 5.55 tạ/ha. C. 56.6 tạ/ha. D. 5.66 tạ/ha.

Câu 31: Tỉnh duy nhất ở vùng TD&MN Bắc Bộ giáp với biển là

- A. Nam Định. B. Lạng Sơn. C. Quảng Ninh. D. Hòa Bình.

Câu 32: Công nghiệp khai thác khí đốt ở vùng ĐBSH phân bố ở

- A. Tiền Hải. B. Hạ Long. C. Cát Bà. D. Đồ Sơn.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

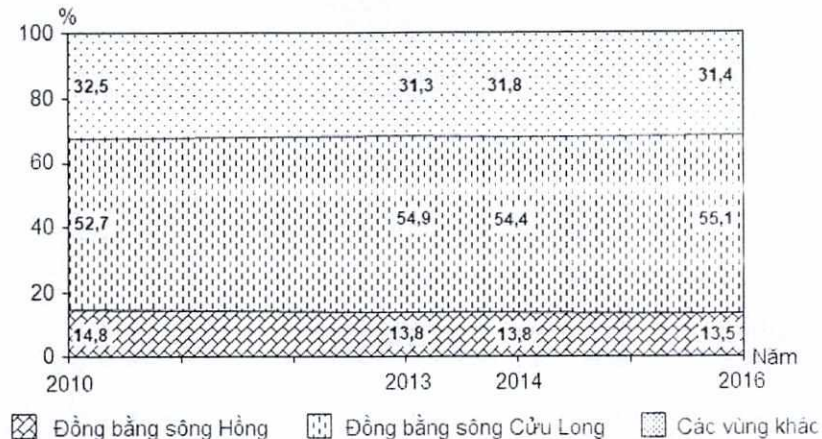
MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHTN)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. ĐBSCL giảm, các vùng khác tăng. B. ĐBSH giảm, ĐBSCL tăng.
C. ĐBSH tăng, các vùng khác giảm. D. ĐBSCL và các vùng khác tăng.

Câu 2: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.
B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
C. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, khu chế xuất mới.
D. đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.

Câu 3: Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng ĐHTB là

- A. dãy núi Hoàng Sơn. B. sông Bến Hải. C. sông Gianh. D. dãy núi Bạch Mã.

Câu 4: Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng

- A. điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt.
B. chống sạt lở đất, ngăn ảnh hưởng của nước mặn vào sâu trong đất liền.
C. ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc.
D. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật, bảo tồn các nguồn gen.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Đắk Krông?

- A. Drây Hling. B. Yaly. C. Đa Nhim. D. Vĩnh Sơn.

Câu 6: Địa điểm nổi tiếng về trồng rau và hoa quả ôn đới ở vùng Tây Nguyên là

- A. TP Kon Tum. B. TP Pleiku. C. TP Buôn Ma Thuột. D. TP Đà Lạt.

Câu 7: Biện pháp nào sau đây **không đúng** về sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở vùng ĐBSCL?

- A. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.
B. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
C. Tạo ra các giống lúa chịu được phèn, mặn.
D. Phát triển thủy lợi, khai thác có hiệu quả nguồn nước ngầm.

Câu 8: Tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất vùng Tây Nguyên là

- A. Gia Lai. B. Kon Tum. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 9: Các cánh đồng muối ở vùng DHNTB có sản lượng vào loại lớn nhất nước ta là

- A. Diêm Điền, Tĩnh Gia. B. Văn Lý, Cà Ná.
C. Cà Ná, Sa Huỳnh. D. Thạch Khê, Phan Rang.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Long Xuyên. D. Rạch Giá.

Câu 11: Vùng ĐBSH tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống do

- A. nền kinh tế phát triển nhanh với nhiều làng nghề truyền thống.
B. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
C. có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.
D. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời với nền sản xuất lúa nước phát triển.

Câu 12: Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Long An. B. Tây Ninh. C. Tiền Giang. D. Bình Thuận.

Câu 13: Theo bảng số liệu “*Diện tích và sản lượng lúa nước ta, giai đoạn 2010 – 2017*” ở câu 29, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa thì loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột ghép. C. Đường. D. Miền.

Câu 14: Ý nào **không đúng** khi nói về việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường bộ ở vùng DHNTB?

- A. Hình thành các khu kinh tế cảng biển.
B. Đẩy mạnh giao lưu với TP Đà Nẵng và TP HCM.
C. Làm tăng vai trò trung chuyển, nối các tỉnh miền Bắc với miền Nam.
D. Tạo ra thể mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.

Câu 15: Tỉnh duy nhất ở vùng TD&MN Bắc Bộ giáp với biển là

- A. Nam Định. B. Hòa Bình. C. Lạng Sơn. D. Quảng Ninh.

Câu 16: Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về tiêu chí của vấn đề khai thác theo lãnh thổ theo chiều sâu?

- A. Nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, khoa học công nghệ.
B. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
C. Ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.
D. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu 17: Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

- A. áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.
B. tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
C. nâng cao trình độ cho người lao động.
D. thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.

Câu 18: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng ĐBSCL là

- A. đất phèn. B. đất phù sa ngọt. C. đất mặn. D. đất cát.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây ở TD&MN Bắc Bộ vừa giáp ĐBSH vừa giáp với Bắc Trung Bộ?

- A. Hòa Bình. B. Phú Thọ. C. Thái Nguyên. D. Bắc Giang.

Câu 20: Các nhà máy thủy điện lớn: Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang thuộc vùng TD&MN Bắc Bộ được xây dựng trên các con sông lần lượt là

- A. sông Đà, sông Gâm, sông Lô. B. sông Đà, sông Chảy, sông Gâm.
C. sông Chảy, sông Lô, sông Gâm. D. sông Hồng, sông Chảy, sông Gâm.

Câu 21: Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng TD&MN Bắc Bộ là

- A. trình độ chăn nuôi còn yếu kém, khâu chế biến chưa phát triển.
- B. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- C. ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.
- D. công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến thị trường tiêu thụ.

Câu 22: Ý nào đúng nhất khi nói về giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn, kinh tế hộ gia đình.
- B. Bổ sung lao động cho vùng, thu hút nguồn lao động từ các vùng khác đến.
- C. Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Vật liệu xây dựng.
- B. Đóng tàu.
- C. Hóa chất.
- D. Cơ khí.

Câu 24: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở vùng ĐBSH diễn ra theo hướng

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng ngành thủy sản thay đổi không đáng kể.
- B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
- D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, tăng nhanh tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 25: Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên cần phải

- A. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- B. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.
- C. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.
- D. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng.



Câu 26: Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng TD&MN Bắc Bộ là do

- A. phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.
- C. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.
- D. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.

Câu 27: Với vị trí tiếp giáp vùng Đông Nam Bộ, trong phát triển kinh tế vùng ĐBSCL có thuận lợi về

- A. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- B. thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn năng lượng.
- C. công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- D. nguồn lao động có tay nghề cao và cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 28: Công nghiệp khai thác khí đốt ở vùng ĐBSH phân bố ở

- A. Cát Bà.
- B. Hạ Long.
- C. Tiền Hải.
- D. Đồ Sơn.

Câu 29: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2011	2016	2017
Diện tích (nghìn ha)	7489,4	7655,4	7742,7	7716,6
Sản lượng (nghìn tấn)	40005,6	42398,5	43157,3	42839

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2019)

Theo bảng số liệu, năng suất lúa của nước ta năm 2017 là bao nhiêu tạ/ha?

- A. 55,5 tạ/ha.
- B. 5,55 tạ/ha.
- C. 56,6 tạ/ha.
- D. 5,66 tạ/ha.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, dọc theo bờ biển của vùng DHNTB theo hướng từ Bắc vào Nam ta lần lượt gặp các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Vân Phong, Nam Phú Yên, Nhơn Hội, Dung Quất, Chu Lai.
- B. Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- C. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- D. Vân Phong, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên.

Câu 31: Bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng DHNTB?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang.
- B. Cà Ná, Mũi Né.
- C. Mỹ Khê, Sa Huỳnh.
- D. Thiên Cầm, Chân Mây.

Câu 32: Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt là do

- A. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.
- B. môi trường biển bị ô nhiễm.
- C. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.
- D. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.

II. PHÂN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHTN)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Ý nào đúng nhất khi nói về giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn, kinh tế hộ gia đình.
- B. Bổ sung lao động cho vùng, thu hút nguồn lao động từ các vùng khác đến.
- C. Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải.

Câu 2: Công nghiệp khai thác khí đốt ở vùng ĐBSH phân bố ở

- A. Cát Bà.
- B. Hạ Long.
- C. Tiền Hải.
- D. Đồ Sơn.

Câu 3: Theo bảng số liệu “Diện tích và sản lượng lúa nước ta, giai đoạn 2010 – 2017” ở câu 19, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa thì loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Cột ghép.
- C. Đường.
- D. Miền.

Câu 4: Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng

- A. chống sạt lở đất, ngăn ảnh hưởng của nước mặn vào sâu trong đất liền.
- B. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật, bảo tồn các nguồn gen.
- C. ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc.
- D. điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt.

Câu 5: Với vị trí tiếp giáp vùng Đông Nam Bộ, trong phát triển kinh tế vùng ĐBSCL có thuận lợi về

- A. công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- B. thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn năng lượng.
- C. nguồn lao động có tay nghề cao và cơ sở vật chất kĩ thuật.
- D. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Câu 6: Các nhà máy thủy điện lớn: Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang thuộc vùng TD&MN Bắc Bộ được xây dựng trên các con sông lần lượt là

- A. sông Đà, sông Gâm, sông Lô.
- B. sông Đà, sông Chảy, sông Gâm.
- C. sông Chảy, sông Lô, sông Gâm.
- D. sông Hồng, sông Chảy, sông Gâm.

Câu 7: Vùng ĐBSH tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống do

- A. nền kinh tế phát triển nhanh với nhiều làng nghề truyền thống.
- B. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời với nền sản xuất lúa nước phát triển.
- C. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
- D. có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.

Câu 8: Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về tiêu chí của vấn đề khai thác theo lãnh thổ theo chiều sâu?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.
- B. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.
- C. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
- D. Nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, khoa học công nghệ.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Rạch Giá.
- B. Sóc Trăng.
- C. Long Xuyên.
- D. Cà Mau.

Câu 10: Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên cần phải

- A. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- B. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng.
- C. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.
- D. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lý kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.

Câu 11: Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

- A. tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
- B. thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.
- C. nâng cao trình độ cho người lao động.
- D. áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.

Câu 12: Tỉnh duy nhất ở vùng TD&MN Bắc Bộ giáp với biển là

- A. Lạng Sơn.
- B. Hòa Bình.
- C. Quảng Ninh.
- D. Nam Định.

Câu 13: Các cánh đồng muối ở vùng DHNTB có sản lượng vào loại lớn nhất nước ta là

- A. Văn Lý, Cà Ná.
- B. Cà Ná, Sa Huỳnh.
- C. Thạch Khê, Phan Rang.
- D. Diêm Điền, Tĩnh Gia.

Câu 14: Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng TD&MN Bắc Bộ là

- A. trình độ chăn nuôi còn yếu kém, khâu chế biến chưa phát triển.
- B. công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến thị trường tiêu thụ.
- C. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
- D. ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.

Câu 15: Bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng DHNTB?

- A. Quy Nhơn, Nha Trang.
- B. Cà Ná, Mũi Né.
- C. Mỹ Khê, Sa Huỳnh.
- D. Thiên Cầm, Chân Mây.

Câu 16: Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt là do

- A. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.
- B. môi trường biển bị ô nhiễm.
- C. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.
- D. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.

Câu 17: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng ĐBSCL là

- A. đất phèn.
- B. đất phù sa ngọt.
- C. đất mặn.
- D. đất cát.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Đắc Krông?

- A. Vĩnh Sơn.
- B. Đa Nhim.
- C. Yaly.
- D. Dray Hling.

Câu 19: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2011	2016	2017
Diện tích (nghìn ha)	7489,4	7655,4	7742,7	7716,6
Sản lượng (nghìn tấn)	40005,6	42398,5	43157,3	42839

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2019)

Theo bảng số liệu, năng suất lúa của nước ta năm 2017 là bao nhiêu tạ/ha?

- A. 55,5 tạ/ha.
- B. 5,55 tạ/ha.
- C. 56,6 tạ/ha.
- D. 5,66 tạ/ha.

Câu 20: Biện pháp nào sau đây **không đúng** về sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở vùng ĐBSCL?

- A. Tạo ra các giống lúa chịu được phèn, mặn.
- B. Phát triển thủy lợi, khai thác có hiệu quả nguồn nước ngầm.
- C. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.
- D. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

Câu 21: Tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất vùng Tây Nguyên là

- A. Đắk Lắk. B. Lâm Đồng. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Vật liệu xây dựng. B. Cơ khí. C. Hóa chất. D. Đóng tàu.

Câu 23: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở vùng ĐBSH diễn ra theo hướng

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng ngành thủy sản thay đổi không đáng kể.
B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, tăng nhanh tỉ trọng ngành thủy sản.

Câu 24: Ý nào **không đúng** khi nói về việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường bộ ở vùng DHNTB?

- A. Hình thành các khu kinh tế cảng biển.
B. Làm tăng vai trò trung chuyển, nối các tỉnh miền Bắc với miền Nam.
C. Tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.
D. Đẩy mạnh giao lưu với TP Đà Nẵng và TP HCM.

Câu 25: Địa điểm nổi tiếng về trồng rau và hoa quả ôn đới ở vùng Tây Nguyên là

- A. TP Kon Tum. B. TP Buôn Ma Thuột. C. TP Đà Lạt. D. TP Pleiku.

Câu 26: Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tiền Giang. B. Long An. C. Tây Ninh. D. Bình Thuận

Câu 27: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
B. đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.
C. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.
D. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

Câu 28: Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng DHNTB là

- A. dãy núi Bạch Mã. B. sông Bến Hải. C. sông Gianh. D. dãy núi Hoành Sơn.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28, dọc theo bờ biển của vùng DHNTB theo hướng từ Bắc vào Nam ta lần lượt gặp các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Vân Phong, Nam Phú Yên, Nhơn Hội, Dung Quất, Chu Lai.
B. Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
C. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
D. Vân Phong, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên.

Câu 30: Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng TD&MN Bắc Bộ là do

- A. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.
B. phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.
C. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.
D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.

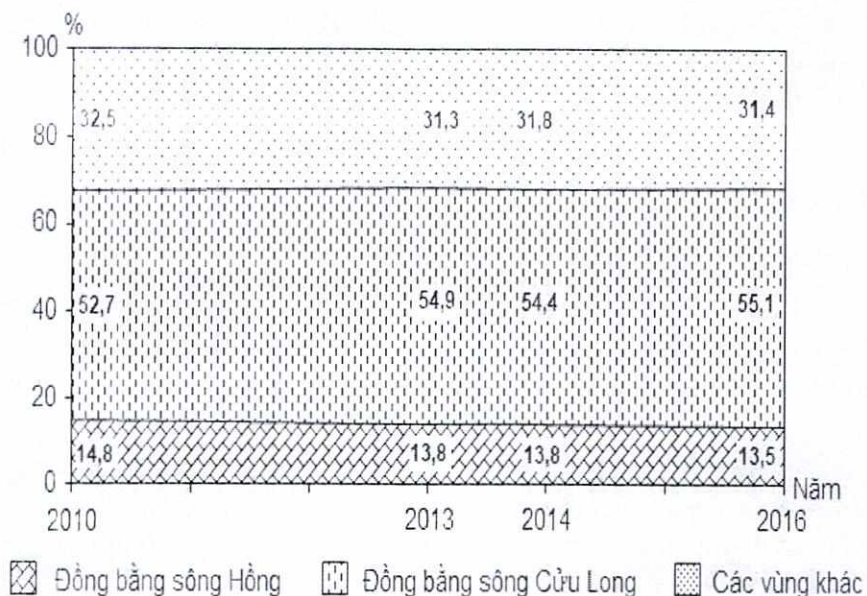
Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây ở TD&MN Bắc Bộ vừa giáp ĐBSH vừa giáp với Bắc Trung Bộ?

- A. Hòa Bình. B. Phú Thọ. C. Thái Nguyên. D. Bắc Giang.



Câu 32: Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. ĐBSCL và các vùng khác tăng.
- B. ĐBSH giảm, ĐBSCL tăng.
- C. ĐBSH tăng, các vùng khác giảm.
- D. ĐBSCL giảm, các vùng khác tăng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHTN)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Tiền Giang. B. Tây Ninh. C. Long An. D. Bình Thuận.

Câu 2: Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.
B. đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.
C. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.
D. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, khu chế xuất mới.

Câu 3: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng ĐBSCL là

- A. đất phèn. B. đất phù sa ngọt. C. đất mặn. D. đất cát.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp Cần Thơ **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Vật liệu xây dựng. B. Cơ khí. C. Đóng tàu. D. Hóa chất.

Câu 5: Khó khăn chủ yếu làm hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng TD&MN Bắc Bộ là

- A. công tác vận chuyển sản phẩm chăn nuôi đến thị trường tiêu thụ.
B. trình độ chăn nuôi còn yếu kém, khâu chế biến chưa phát triển.
C. dịch bệnh hại gia súc vẫn đe dọa tràn lan trên diện rộng.
D. ít đồng cỏ lớn, cơ sở chăn nuôi còn hạn chế.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Đắk Krông?

- A. Vĩnh Sơn. B. Đa Nhim. C. Yaly. D. Dray Hling.

Câu 7: Ý nào sau đây **không đúng** khi nói về tiêu chí của vấn đề khai thác theo lãnh thổ theo chiều sâu?

- A. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.
B. Ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.
C. Nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, khoa học công nghệ.
D. Khai thác hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

Câu 8: Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

- A. tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.
B. nâng cao trình độ cho người lao động.
C. thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.
D. áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.

Câu 9: Tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất vùng Tây Nguyên là

- A. Lâm Đồng. B. Đắk Lắk. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 10: Với vị trí tiếp giáp vùng Đông Nam Bộ, trong phát triển kinh tế vùng ĐBSCL có thuận lợi về

- A. nguồn lao động có tay nghề cao và cơ sở vật chất kĩ thuật.
B. nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.
C. thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn năng lượng.
D. công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Câu 11: Tỉnh duy nhất ở vùng TD&MN Bắc Bộ giáp với biển là

- A. Lạng Sơn. B. Hòa Bình. C. Quảng Ninh. D. Nam Định.

Câu 12: Công nghiệp khai thác khí đốt ở vùng ĐBSH phân bố ở

- A. Đồ Sơn. B. Tiền Hải. C. Cát Bà. D. Hạ Long.

Câu 13: Ý nào **không đúng** khi nói về việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường bộ ở vùng DHNTB?

- A. Hình thành các khu kinh tế cảng biển.
B. Làm tăng vai trò trung chuyển, nối các tỉnh miền Bắc với miền Nam.
C. Tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.
D. Đẩy mạnh giao lưu với TP Đà Nẵng và TP HCM.

Câu 14: Biện pháp nào sau đây **không đúng** về sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở vùng ĐBSCL?

- A. Tạo ra các giống lúa chịu được phèn, mặn.
B. Phát triển thủy lợi, khai thác có hiệu quả nguồn nước ngầm.
C. Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.
D. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.

Câu 15: Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt là do

- A. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.
B. môi trường biển bị ô nhiễm.
C. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.
D. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.

Câu 16: Ý nào đúng nhất khi nói về giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên?

- A. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn, kinh tế hộ gia đình.
B. Bổ sung lao động cho vùng, thu hút nguồn lao động từ các vùng khác đến.
C. Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.
D. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải.

Câu 17: Vùng ĐBSH tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống do

- A. chính sách đầu tư phát triển của Nhà nước.
B. nền kinh tế phát triển nhanh với nhiều làng nghề truyền thống.
C. có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời với nền sản xuất lúa nước phát triển.
D. có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2011	2016	2017
Diện tích (nghìn ha)	7489,4	7655,4	7742,7	7716,6
Sản lượng (nghìn tấn)	40005,6	42398,5	43157,3	42839

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2019)

Theo bảng số liệu, năng suất lúa của nước ta năm 2017 là bao nhiêu tạ/ha?

- A. 55,5 tạ/ha. B. 5,55 tạ/ha. C. 56,6 tạ/ha. D. 5,66 tạ/ha.

Câu 19: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực I ở vùng ĐBSH diễn ra theo hướng

- A. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi, tăng nhanh tỉ trọng ngành thủy sản.
B. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.
C. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, tỉ trọng ngành thủy sản thay đổi không đáng kể.
D. giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.

Câu 20: Thế mạnh để phát triển các loại cây công nghiệp nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới của vùng TD&MN Bắc Bộ là do

- A. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới nổi tiếng.
- B. phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các loại đá mẹ khác.
- C. có đất phù sa cổ và đất phù sa mới.
- D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với một mùa đông lạnh.

Câu 21: Theo bảng số liệu “Diện tích và sản lượng lúa nước ta, giai đoạn 2010 – 2017” ở câu 18, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa thì loại biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột ghép.
- C. Đường.
- D. Tròn.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, dọc theo bờ biển của vùng DHNTB theo hướng từ Bắc vào Nam ta lần lượt gặp các khu kinh tế ven biển nào sau đây?

- A. Vân Phong, Nam Phú Yên, Nhơn Hội, Dung Quất, Chu Lai.
- B. Dung Quất, Chu Lai, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- C. Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.
- D. Vân Phong, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên.

Câu 23: Các cánh đồng muối ở vùng DHNTB có sản lượng vào loại lớn nhất nước ta là

- A. Diêm Điền, Tĩnh Gia.
- B. Văn Lý, Cà Ná.
- C. Thạch Khê, Phan Rang.
- D. Cà Ná, Sa Huỳnh.

Câu 24: Địa điểm nổi tiếng về trồng rau và hoa quả ôn đới ở vùng Tây Nguyên là

- A. TP Kon Tum.
- B. TP Buôn Ma Thuột.
- C. TP Đà Lạt.
- D. TP Pleiku.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Sóc Trăng.
- B. Rạch Giá.
- C. Long Xuyên.
- D. Cà Mau.

Câu 26: Việc trồng rừng ven biển ở vùng Bắc Trung Bộ có tác dụng

- A. ngăn không cho cát bay, cát chảy lấn vào ruộng đồng, làng mạc.
- B. điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ lụt.
- C. bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật, bảo tồn các nguồn gen.
- D. chống sạt lở đất, ngăn ảnh hưởng của nước mặn vào sâu trong đất liền.

Câu 27: Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng DHNTB là

- A. dãy núi Bạch Mã.
- B. sông Bến Hải.
- C. sông Gianh.
- D. dãy núi Hoàng Sơn.

Câu 28: Các nhà máy thủy điện lớn: Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang thuộc vùng TD&MN Bắc Bộ được xây dựng trên các con sông lần lượt là

- A. sông Đà, sông Gâm, sông Lô.
- B. sông Chảy, sông Lô, sông Gâm.
- C. sông Hồng, sông Chảy, sông Gâm.
- D. sông Đà, sông Chảy, sông Gâm.

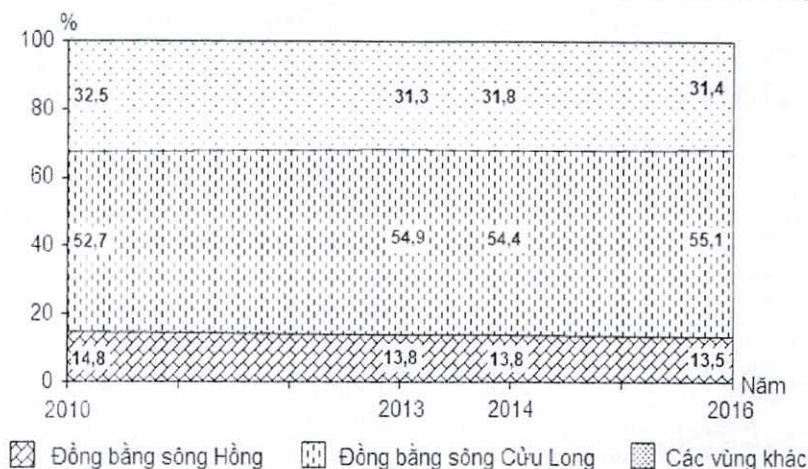
Câu 29: Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở vùng Tây Nguyên cần phải

- A. bảo vệ các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- B. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lý kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.
- C. tận thu cành, ngọn để hạn chế khai thác rừng.
- D. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi với tu bổ và bảo vệ rừng.



Câu 30: Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA PHÂN THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2016



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng diện tích lúa phân theo vùng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2016?

- A. ĐBSCL và các vùng khác tăng.
 B. ĐBSH giảm, ĐBSCL tăng.
 C. ĐBSH tăng, các vùng khác giảm.
 D. ĐBSCL giảm, các vùng khác tăng.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây ở TD&MN Bắc Bộ vừa giáp ĐBSH vừa giáp với Bắc Trung Bộ?

- A. Hòa Bình.
 B. Phú Thọ.
 C. Thái Nguyên.
 D. Bắc Giang.

Câu 32: Bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng DHNTB?

- A. Cà Ná, Mũi Né.
 B. Mỹ Khê, Sa Huỳnh.
 C. Quy Nhơn, Nha Trang.
 D. Thiên Cầm, Chân Mây.

II. PHẢN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....



ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHXH)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh dựa trên điều kiện chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguyên liệu và nguồn vốn đầu tư. B. Nguyên liệu và lao động.
C. Nguyên liệu và thị trường. D. Nguyên liệu và cơ sở vật chất.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. Xa Mát. C. Đồng Tháp. D. An Giang.

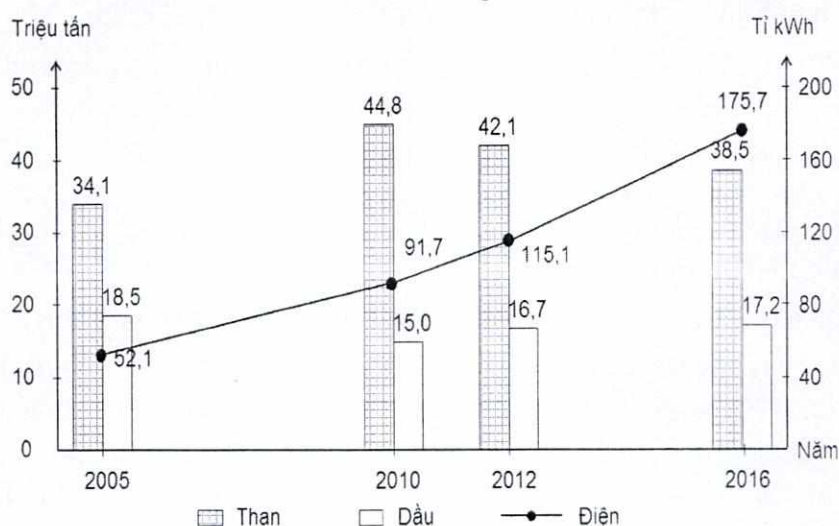
Câu 3: Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong ngành dịch vụ của Đông Nam Bộ là

- A. phần đầu đưa tỉ trọng ngành dịch vụ chiếm trên 50% GDP.
B. phát triển dịch vụ giáo dục, văn hoá, y tế.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.
D. nâng cao mức sống cho người lao động.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Bảo vệ vốn rừng. B. Phát triển thủy lợi.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác. D. Thay đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 5: Cho biểu đồ về than, dầu và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây ?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
B. Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện.
D. Sản lượng than, dầu và điện.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cà Ná. B. Mỹ Khê. C. Sa Huỳnh. D. Lăng Cô.

Câu 7: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lí đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.
B. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.
C. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
D. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

Câu 8: Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu sản phẩm.
B. mở rộng diện tích đi đôi với nâng cao năng suất.
C. khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại.
D. tăng cường lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề.

Câu 9: Tỉnh có diện tích trồng cà phê nhiều nhất nước ta là

- A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

- A. có các ngư trường rộng lớn. B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá. D. có các điều kiện hải văn thuận lợi.

Câu 11: Nhân tố tự nhiên nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Nhiệt độ cao quanh năm. B. Vùng biển có độ mặn cao.
C. Địa hình ven biển thuận lợi. D. Có nhiều sông lớn đổ ra biển.

Câu 12: Khoáng sản chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang được khai thác là

- A. dầu khí, than bùn. B. đá vôi, than bùn. C. đá vôi, dầu khí. D. dầu khí, titan.

Câu 13: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.
B. phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.
C. vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.
D. hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.

Câu 14: Giải pháp nào sau đây **không** có tác dụng với việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?

- A. Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng. B. Khai thác hợp lí đi đôi với trồng rừng.
C. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng. D. Phát triển khai thác, chế biến gỗ.

Câu 15: Theo bảng số liệu “*Diện tích gieo trồng và năng suất lúa của nước ta qua các năm*” ở **câu 24**, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa của nước ta năm 2018 lần lượt là bao nhiêu ?

- A. 137,8% và 108,8%. B. 101,1 % và 98,8%. C. 98,8% và 137,8%. D. 101,1 % và 108,8%.

Câu 16: Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. dâu tằm, lạc, cói. B. lạc, mía, thuốc lá.
C. lạc, đậu tương, đậu, cói. D. lạc, dâu tằm, bông, cói.

Câu 17: Công trình thủy lợi Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Tây Ninh. D. Đồng Nai.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. U Minh Thượng, Cát Bà, Núi Chúa, An Giang.
- B. Phú Quốc, Bù Gia Mập, Cát Tiên, An Giang.
- C. Tràm Chim, Đất Mũi, Phú Quốc, U Minh Thượng.
- D. Đất Mũi, Côn Đảo, Bạch Mã, Kiên Giang.

Câu 19: Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Phan Thiết.
- B. Quy Nhơn.
- C. Nha Trang.
- D. Phú Quốc.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới.
- B. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.
- D. Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phần lớn diện tích của vùng là đất đỏ badan, đất xám.
- B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.
- C. Phần lớn là đất feralit, ngoài ra còn có đất phù sa cổ.
- D. Địa hình Tây Bắc hiểm trở, Đông Bắc là đồi núi thấp.

Câu 22: Biện pháp quan trọng nhất nhằm giảm thiểu tình trạng đốt rừng làm nương rẫy ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát triển ngành thủy điện.
- B. phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
- C. phát triển loại hình du lịch sinh thái.
- D. đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Câu 23: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do

- A. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- B. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.
- C. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.
- D. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2004	2006	2010	2018
Diện tích (nghìn ha)	7 666,3	7 445,3	7 324,8	7 489,4	7 571,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,6	48,9	53,4	58,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 25: Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo xu hướng

- A. tăng tỉ trọng khu vực III; giảm tỉ trọng khu vực I và II.
- B. tăng tỉ trọng khu vực I; giảm tỉ trọng khu vực II và III.
- C. tăng tỉ trọng khu vực I và II; giảm tỉ trọng khu vực III.
- D. tăng tỉ trọng khu vực II và III; giảm tỉ trọng khu vực I.

Câu 26: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sản xuất cà phê ở Tây Nguyên phát triển chưa ổn định?

- A. Công nghiệp chế biến còn hạn chế.
- B. Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi.
- C. Lương thực không đảm bảo.
- D. Thị trường không ổn định.

Câu 27: Vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Bắc Trung Bộ còn hạn chế, chủ yếu là do

- A. cơ sở hạ tầng kém phát triển.
- B. nguồn lao động trình độ thấp.
- C. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
- D. nguồn tài nguyên nghèo nàn.

Câu 28: Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

- A. tăng cường cơ sở năng lượng.
- B. xây dựng cơ sở hạ tầng.
- C. đào tạo nhân công lành nghề.
- D. thu hút lao động có kỹ thuật.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.
- B. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.
- C. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.
- D. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai, Tây Ninh.
- B. Cần Thơ, Tiền Giang.
- C. Bạc Liêu, Sóc Trăng.
- D. An Giang, Hậu Giang.

Câu 31: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

- A. nhiệt điện và luyện kim.
- B. nhiệt điện và xuất khẩu.
- C. nhiệt điện và hóa chất.
- D. luyện kim và xuất khẩu.

Câu 32: Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- C. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vĩ Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHXH)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí. B. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.
C. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí. D. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.

Câu 2: Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong ngành dịch vụ của Đồng Nam Bộ là

- A. nâng cao mức sống cho người lao động,
B. phát triển dịch vụ giáo dục, văn hoá, y tế.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.
D. phân đầu đưa tỉ trọng ngành dịch vụ chiếm trên 50% GDP.

Câu 3: Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. lạc, đậu tương, đậu, cói. B. dâu tằm, lạc, cói.
C. lạc, dâu tằm, bông, cói. D. lạc, mía, thuốc lá.

Câu 4: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.
B. hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.
C. vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.
D. phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

Câu 5: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất Mũi, Côn Đảo, Bạch Mã, Kiên Giang.
B. U Minh Thượng, Cát Bà, Núi Chúa, An Giang.
C. Tràm Chim, Đất Mũi, Phú Quốc, U Minh Thượng.
D. Phú Quốc, Bù Gia Mập, Cát Tiên, An Giang.

Câu 6: Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại.
B. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu sản phẩm.
C. mở rộng diện tích đi đôi với nâng cao năng suất.
D. tăng cường lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề.

Câu 7: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do

- A. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.
B. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.
C. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.
D. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

Câu 8: Tỉnh có diện tích trồng cà phê nhiều nhất nước ta là

- A. Kon Tum. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Lâm Đồng.

Câu 9: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

- A. có các ngư trường rộng lớn. B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá. D. có các điều kiện hải văn thuận lợi.

Câu 10: Theo bảng số liệu “*Diện tích gieo trồng và năng suất lúa của nước ta qua các năm*” ở **câu 19**, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa của nước ta năm 2018 lần lượt là bao nhiêu ?

- A. 137,8% và 108,8%. B. 101,1 % và 98,8%. C. 98,8% và 137,8%. D. 101,1 % và 108,8%.

Câu 11: Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh dựa trên điều kiện chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguyên liệu và thị trường. B. Nguyên liệu và cơ sở vật chất.
C. Nguyên liệu và lao động. D. Nguyên liệu và nguồn vốn đầu tư.

Câu 12: Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

- A. tăng cường cơ sở năng lượng. B. xây dựng cơ sở hạ tầng.
C. đào tạo nhân công lành nghề. D. thu hút lao động có kỹ thuật.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Lăng Cô. B. Mỹ Khê. C. Sa Huỳnh. D. Cà Ná.

Câu 14: Nhân tố tự nhiên nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Địa hình ven biển thuận lợi. B. Vùng biển có độ mặn cao.
C. Nhiệt độ cao quanh năm. D. Có nhiều sông lớn đổ ra biển.

Câu 15: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

- A. nhiệt điện và luyện kim. B. luyện kim và xuất khẩu.
C. nhiệt điện và xuất khẩu. D. nhiệt điện và hóa chất.

Câu 16: Công trình thủy lợi Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Tây Ninh. D. Đồng Nai.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Bảo vệ vốn rừng. B. Phát triển thủy lợi.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác. D. Thay đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 18: Khoáng sản chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang được khai thác là

- A. dầu khí, titan. B. dầu khí, than bùn. C. đá vôi, dầu khí. D. đá vôi, than bùn.

Câu 19: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2004	2006	2010	2018
Diện tích (nghìn ha)	7 666,3	7 445,3	7 324,8	7 489,4	7 571,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,6	48,9	53,4	58,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Kết hợp. C. Tròn. D. Miền.

Câu 20: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phần lớn diện tích của vùng là đất đỏ badan, đất xám.
- B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.
- C. Phần lớn là đất feralit, ngoài ra còn có đất phù sa cổ.
- D. Địa hình Tây Bắc hiểm trở, Đông Bắc là đồi núi thấp.

Câu 21: Biện pháp quan trọng nhất nhằm giảm thiểu tình trạng đốt rừng làm nương rẫy ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát triển ngành thủy điện.
- B. phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
- C. phát triển loại hình du lịch sinh thái.
- D. đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.

Câu 22: Giải pháp nào sau đây **không** có tác dụng với việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?

- A. Khai thác hợp lý đi đôi với trồng rừng.
- B. Phát triển khai thác, chế biến gỗ.
- C. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng.
- D. Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên.
- B. An Giang.
- C. Đồng Tháp.
- D. Xa Mát.

Câu 24: Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo xu hướng

- A. tăng tỉ trọng khu vực III; giảm tỉ trọng khu vực I và II.
- B. tăng tỉ trọng khu vực I; giảm tỉ trọng khu vực II và III.
- C. tăng tỉ trọng khu vực I và II; giảm tỉ trọng khu vực III.
- D. tăng tỉ trọng khu vực II và III; giảm tỉ trọng khu vực I.

Câu 25: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sản xuất cà phê ở Tây Nguyên phát triển chưa ổn định?

- A. Công nghiệp chế biến còn hạn chế.
- B. Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi.
- C. Lương thực không đảm bảo.
- D. Thị trường không ổn định.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. Bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới.
- C. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.
- D. Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập.

Câu 27: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.
- B. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.
- C. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
- D. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

Câu 28: Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

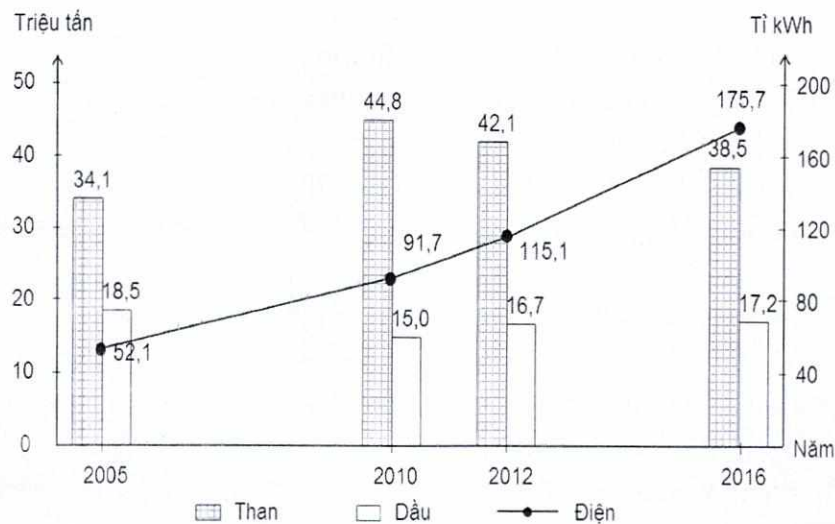
- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- C. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai, Tây Ninh.
- B. Cần Thơ, Tiền Giang.
- C. Bạc Liêu, Sóc Trăng.
- D. An Giang, Hậu Giang.



Câu 30: Cho biểu đồ về than, dầu và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây ?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện.
- B. Sản lượng than, dầu và điện.
- C. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
- D. Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.

Câu 31: Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Quy Nhơn.
- B. Phú Quốc.
- C. Nha Trang.
- D. Phan Thiết.

Câu 32: Vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Bắc Trung Bộ còn hạn chế, chủ yếu là do

- A. cơ sở hạ tầng kém phát triển.
- B. nguồn lao động trình độ thấp.
- C. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
- D. nguồn tài nguyên nghèo nàn.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHXH)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Giải pháp nào sau đây **không** có tác dụng với việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?

- A. Khai thác hợp lý đi đôi với trồng rừng. B. Phát triển khai thác, chế biến gỗ.
C. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng. D. Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng.

Câu 2: Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
B. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
C. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

Câu 3: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Lăng Cô. B. Mỹ Khê. C. Sa Huỳnh. D. Cà Ná.

Câu 4: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.
B. phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.
C. vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.
D. phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.

Câu 5: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.
B. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.
C. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
D. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phần lớn diện tích của vùng là đất đỏ badan, đất xám.
B. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.
C. Phần lớn là đất feralit, ngoài ra còn có đất phù sa cổ.
D. Địa hình Tây Bắc hiểm trở, Đông Bắc là đồi núi thấp.

Câu 7: Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh dựa trên điều kiện chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguyên liệu và thị trường. B. Nguyên liệu và nguồn vốn đầu tư.
C. Nguyên liệu và cơ sở vật chất. D. Nguyên liệu và lao động.

Câu 8: Công trình thủy lợi Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Tây Ninh. B. Đồng Nai. C. Bình Phước. D. Bình Dương.

Câu 9: Theo bảng số liệu “*Diện tích gieo trồng và năng suất lúa của nước ta qua các năm*” ở **câu 31**, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa của nước ta năm 2018 lần lượt là bao nhiêu ?

- A. 137,8% và 108,8%. B. 101,1 % và 98,8%. C. 98,8% và 137,8%. D. 101,1 % và 108,8%.

Câu 10: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sản xuất cà phê ở Tây Nguyên phát triển chưa ổn định?

- A. Công nghiệp chế biến còn hạn chế. B. Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi.
C. Lương thực không đảm bảo. D. Thị trường không ổn định.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Phát triển thủy lợi. B. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác. D. Bảo vệ vốn rừng.

Câu 12: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

- A. nhiệt điện và xuất khẩu. B. luyện kim và xuất khẩu.
C. nhiệt điện và hóa chất. D. nhiệt điện và luyện kim.

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

- A. tất cả các tỉnh đều giáp biển. B. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.
C. có các điều kiện hải văn thuận lợi. D. có các ngư trường rộng lớn.

Câu 14: Biện pháp quan trọng nhất nhằm giảm thiểu tình trạng đốt rừng làm nương rẫy ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát triển ngành thủy điện. B. đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. phát triển nền nông nghiệp hàng hóa. D. phát triển loại hình du lịch sinh thái.

Câu 15: Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Quy Nhơn. B. Phú Quốc. C. Nha Trang. D. Phan Thiết.

Câu 16: Vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Bắc Trung Bộ còn hạn chế, chủ yếu là do

- A. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. B. nguồn lao động trình độ thấp.
C. cơ sở hạ tầng kém phát triển. D. nguồn tài nguyên nghèo nàn.

Câu 17: Khoáng sản chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang được khai thác là

- A. dầu khí, titan. B. dầu khí, than bùn. C. đá vôi, dầu khí. D. đá vôi, than bùn.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Phú Quốc, Bù Gia Mập, Cát Tiên, An Giang.
B. Tràm Chim, Đất Mũi, Phú Quốc, U Minh Thượng.
C. U Minh Thượng, Cát Bà, Núi Chúa, An Giang.
D. Đất Mũi, Côn Đảo, Bạch Mã, Kiên Giang.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai, Tây Ninh. B. Cần Thơ, Tiền Giang.
C. Bạc Liêu, Sóc Trăng. D. An Giang, Hậu Giang.

Câu 20: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do

- A. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.
B. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
C. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.
D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.

Câu 21: Tỉnh có diện tích trồng cà phê nhiều nhất nước ta là

- A. Đắk Lắk. B. Lâm Đồng. C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. An Giang. C. Xa Mát. D. Đồng Tháp.

Câu 23: Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo xu hướng

- A. tăng tỉ trọng khu vực III; giảm tỉ trọng khu vực I và II.
B. tăng tỉ trọng khu vực I; giảm tỉ trọng khu vực II và III.
C. tăng tỉ trọng khu vực I và II; giảm tỉ trọng khu vực III.
D. tăng tỉ trọng khu vực II và III; giảm tỉ trọng khu vực I.

Câu 24: Nhân tố tự nhiên nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Địa hình ven biển thuận lợi. B. Nhiệt độ cao quanh năm.
C. Có nhiều sông lớn đổ ra biển. D. Vùng biển có độ mặn cao.

Câu 25: Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại.
B. mở rộng diện tích đi đôi với nâng cao năng suất.
C. tăng cường lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề.
D. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu sản phẩm.

Câu 26: Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

- A. đào tạo nhân công lành nghề. B. tăng cường cơ sở năng lượng.
C. xây dựng cơ sở hạ tầng. D. thu hút lao động có kĩ thuật.

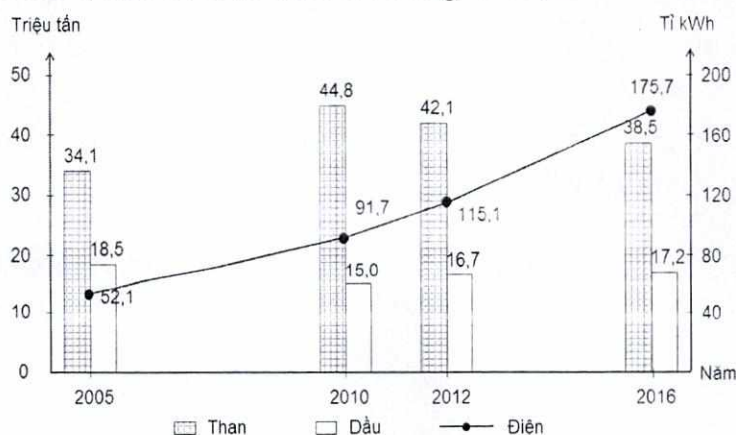
Câu 27: Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong ngành dịch vụ của Đông Nam Bộ là

- A. phát triển dịch vụ giáo dục, văn hoá, y tế.
B. phân đầu đưa tỉ trọng ngành dịch vụ chiếm trên 50% GDP.
C. nâng cao mức sống cho người lao động,
D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

Câu 28: Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. lạc, dâu tằm, bông, cói. B. dâu tằm, lạc, cói.
C. lạc, mía, thuốc lá. D. lạc, đậu tương, đậu, cói.

Câu 29: Cho biểu đồ về than, dầu và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây ?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện.
- B. Sản lượng than, dầu và điện.
- C. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
- D. Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.
- B. Bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới.
- C. Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập.
- D. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2004	2006	2010	2018
Diện tích (nghìn ha)	7 666,3	7 445,3	7 324,8	7 489,4	7 571,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,6	48,9	53,4	58,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 32: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.
- B. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.
- C. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.
- D. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

---Hết---

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2020 - 2021

MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 12 (KHXXH)

Thời gian làm bài: 50 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu 1: Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

- A. đào tạo nhân công lành nghề.
B. xây dựng cơ sở hạ tầng.
C. tăng cường cơ sở năng lượng.
D. thu hút lao động có kỹ thuật.

Câu 2: Phương hướng khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong ngành dịch vụ của Đông Nam Bộ là

- A. phát triển dịch vụ giáo dục, văn hoá, y tế.
B. phần đầu đưa tỉ trọng ngành dịch vụ chiếm trên 50% GDP.
C. nâng cao mức sống cho người lao động,
D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

Câu 3: Khoáng sản chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang được khai thác là

- A. dầu khí, titan. B. dầu khí, than bùn. C. đá vôi, dầu khí. D. đá vôi, than bùn.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

- A. Hà Tiên. B. An Giang. C. Đồng Tháp. D. Xa Mát.

Câu 5: Biện pháp quan trọng nhất nhằm giảm thiểu tình trạng đốt rừng làm nương rẫy ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát triển ngành thủy điện.
B. đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng.
C. phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
D. phát triển loại hình du lịch sinh thái.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết các vườn quốc gia nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Phú Quốc, Bù Gia Mập, Cát Tiên, An Giang.
B. Tràm Chim, Đất Mũi, Phú Quốc, U Minh Thượng.
C. U Minh Thượng, Cát Bà, Núi Chúa, An Giang.
D. Đất Mũi, Côn Đảo, Bạch Mã, Kiên Giang.

Câu 7: Công trình thủy lợi Dầu Tiếng thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Tây Ninh. B. Đồng Nai. C. Bình Dương. D. Bình Phước.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

- A. Phát triển thủy lợi.
B. Thay đổi cơ cấu cây trồng.
C. Mở rộng diện tích đất canh tác.
D. Bảo vệ vốn rừng.

Câu 9: Tỉnh có diện tích trồng cà phê nhiều nhất nước ta là

- A. Lâm Đồng. B. Đắk Lắk. C. Kon Tum. D. Gia Lai.

Câu 10: Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lý đất đai ở Đồng bằng sông Cửu Long vì

- A. đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, cần nước ngọt để cải tạo.
- B. nước ngọt rất cần thiết cho phát triển nuôi trồng thủy sản.
- C. thiếu nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.
- D. thiếu nước ngọt cho đời sống sinh hoạt và sản xuất.

Câu 11: Nguồn than khai thác ở Trung du và miền núi Bắc Bộ được sử dụng chủ yếu cho

- A. nhiệt điện và xuất khẩu.
- B. luyện kim và xuất khẩu.
- C. nhiệt điện và hóa chất.
- D. nhiệt điện và luyện kim.

Câu 12: Thế mạnh nào sau đây có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế Đồng bằng sông Hồng?

- A. Lao động đông, có kinh nghiệm và có trình độ.
- B. Lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- C. Tài nguyên khoáng sản phong phú.
- D. Đồng bằng châu thổ rộng lớn và đất màu mỡ.

Câu 13: Nhân tố tự nhiên nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi đối với việc sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Địa hình ven biển thuận lợi.
- B. Nhiệt độ cao quanh năm.
- C. Có nhiều sông lớn đổ ra biển.
- D. Vùng biển có độ mặn cao.

Câu 14: Đồng bằng sông Cửu Long bị xâm nhập mặn nặng trong mùa khô là do

- A. có nhiều vùng trũng rộng lớn, ba mặt giáp biển, địa hình đa dạng.
- B. nhiều cửa sông, ba mặt giáp biển, có nhiều vùng trũng rộng lớn.
- C. địa hình thấp, ba mặt giáp biển, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- D. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, ba mặt giáp biển, nhiều cửa sông.

Câu 15: Vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Bắc Trung Bộ còn hạn chế, chủ yếu là do

- A. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
- B. nguồn lao động trình độ thấp.
- C. cơ sở hạ tầng kém phát triển.
- D. nguồn tài nguyên nghèo nàn.

Câu 16: Giải pháp nào sau đây **không** có tác dụng với việc bảo vệ rừng ở Tây Nguyên?

- A. Khai thác hợp lý đi đôi với trồng rừng.
- B. Phát triển khai thác, chế biến gỗ.
- C. Ngăn chặn nạn phá rừng, đốt rừng.
- D. Đẩy mạnh giao đất, giao rừng.

Câu 17: Ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh dựa trên điều kiện chủ yếu nào sau đây?

- A. Nguyên liệu và cơ sở vật chất.
- B. Nguyên liệu và thị trường.
- C. Nguyên liệu và nguồn vốn đầu tư.
- D. Nguyên liệu và lao động.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai, Tây Ninh.
- B. Cần Thơ, Tiền Giang.
- C. Bạc Liêu, Sóc Trăng.
- D. An Giang, Hậu Giang.

Câu 19: Cơ cấu kinh tế theo ngành của Đồng bằng sông Hồng đang chuyển dịch theo xu hướng

- A. tăng tỉ trọng khu vực II và III; giảm tỉ trọng khu vực I.
- B. tăng tỉ trọng khu vực I và II; giảm tỉ trọng khu vực III.
- C. tăng tỉ trọng khu vực III; giảm tỉ trọng khu vực I và II.
- D. tăng tỉ trọng khu vực I; giảm tỉ trọng khu vực II và III.

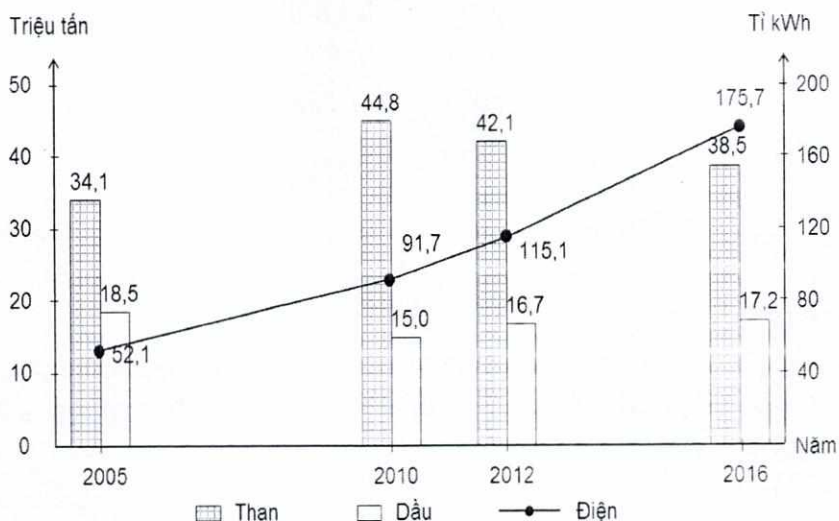
Câu 20: Phát biểu nào sau đây thể hiện ý nghĩa về kinh tế của việc khai thác các thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. B. Bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới.
C. Tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập. D. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 21: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết bãi biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Cà Ná. B. Mỹ Khê. C. Sa Huỳnh. D. Lăng Cô.

Câu 22: Cho biểu đồ về than, dầu và điện của nước ta giai đoạn 2005 - 2016:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu và điện.
B. Sản lượng than, dầu và điện.
C. Quy mô và cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.
D. Cơ cấu sản lượng than, dầu và điện.

Câu 23: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

- A. có các ngư trường rộng lớn. B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. có các điều kiện hải văn thuận lợi. D. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.

Câu 24: Giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại.
B. mở rộng diện tích đi đôi với nâng cao năng suất.
C. tăng cường lực lượng lao động, nhất là lao động có tay nghề.
D. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu sản phẩm.

Câu 25: Theo bảng số liệu “Diện tích gieo trồng và năng suất lúa của nước ta qua các năm” ở câu 31, hãy cho biết tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa của nước ta năm 2018 lần lượt là bao nhiêu?

- A. 101,1 % và 98,8%. B. 137,8% và 108,8%. C. 98,8% và 137,8%. D. 101,1 % và 108,8%.

Câu 26: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.
B. phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.
C. phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.
D. hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.



Câu 27: Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. lạc, dâu tằm, bông, cói.
C. lạc, mía, thuốc lá.

- B. dâu tằm, lạc, cói.
D. lạc, đậu tương, đậu, cói.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đặc điểm tự nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phần lớn diện tích của vùng là đất đỏ badan, đất xám.
B. Phần lớn là đất feralit, ngoài ra còn có đất phù sa cổ.
C. Địa hình Tây Bắc hiểm trở, Đông Bắc là đồi núi thấp.
D. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh.

Câu 29: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến sản xuất cà phê ở Tây Nguyên phát triển chưa ổn định?

- A. Công nghiệp chế biến còn hạn chế.
C. Đất đai dễ bị xói mòn, rửa trôi.

- B. Thị trường không ổn định.
D. Lương thực không đảm bảo.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết trung tâm công nghiệp Huế có các ngành nào sau đây?

- A. Chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, cơ khí.
C. Chế biến nông sản, chế biến gỗ, cơ khí.

- B. Chế biến nông sản, dệt, may, cơ khí.
D. Chế biến nông sản, đóng tàu, cơ khí.

Câu 31: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	2000	2004	2006	2010	2018
Diện tích (nghìn ha)	7 666,3	7 445,3	7 324,8	7 489,4	7 571,8
Năng suất (tạ/ha)	42,4	48,6	48,9	53,4	58,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và năng suất lúa của nước ta, giai đoạn 2000 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường.
B. Kết hợp.
C. Tròn.
D. Miền.

Câu 32: Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Phú Quốc.
B. Nha Trang.
C. Quy Nhơn.
D. Phan Thiết.

II. PHẦN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 2 (1 điểm): Đọc đoạn thông tin sau đây, cập nhật: Chủ Nhật | 18-04-2021 12:37:00 PM

“Mùa khô năm nay hạn mặn xuất hiện sớm 2 tháng và nhiều khả năng kết thúc muộn. Hiện, trên các hệ thống sông chính ở miền Tây, mặn xâm nhập sâu 40-93 km, tăng 10-15 km so với các năm trước.

Gần 340.000 ha trong tổng số 1,55 triệu ha lúa đông xuân đang sản xuất tại miền Tây có nguy cơ bị xâm nhập mặn và hạn. Trong đó, 104.000 ha lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.

Tỉnh Vĩnh Long nằm rất xa biển nhưng lần đầu bị nước mặn tấn công. Tỉnh Kiên Giang công bố tình trạng thiên tai hơn 40.000 ha lúa bị chết, đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng... Nhiều khả năng, các địa phương Bến Tre, Trà Vinh, Vị Thanh, Rạch Giá thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.” (Nguồn: <http://www.sihymecc.vn/>)

Nguyên nhân chính gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL là gì? Những ảnh hưởng của xâm nhập mặn đến kinh tế - xã hội ĐBSCL?

Học sinh ĐƯỢC sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam (NXB GD Việt Nam) khi làm bài.

Họ và tên HS:Số báo danh:Lớp:.....

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2020 - 2021

Môn: ĐỊA LÍ - LỚP 12 (Thời gian làm bài: 50 phút)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (8,0 điểm)

Câu	Mã đề							
	821	822	823	824	825	826	827	828
1	C	B	B	C	A	B	C	B
2	B	C	B	D	D	B	C	A
3	C	D	A	D	B	D	C	A
4	C	B	A	D	D	C	C	C
5	D	C	C	C	A	A	D	A
6	D	B	A	B	B	D	B	D
7	C	D	A	A	D	D	B	B
8	A	C	A	C	C	C	A	C
9	C	A	C	B	C	C	D	B
10	A	C	D	A	C	A	D	B
11	D	A	C	A	C	D	B	C
12	B	A	A	A	D	B	C	B
13	D	A	D	C	C	C	B	A
14	D	D	C	C	B	A	B	B
15	C	C	D	C	A	D	D	D
16	B	C	C	B	C	C	D	C
17	C	C	D	B	C	D	A	C
18	C	D	B	A	D	A	D	A
19	A	B	A	A	B	A	A	D
20	B	A	B	D	A	B	B	D
21	A	B	A	D	B	D	A	C
22	B	B	C	B	D	C	D	C
23	A	D	D	A	D	B	B	D
24	B	D	C	D	A	B	A	C
25	D	D	D	C	B	B	C	D
26	D	A	B	D	B	B	C	A
27	A	C	D	C	A	A	A	A
28	A	B	C	A	B	C	A	D
29	D	A	B	B	D	A	C	B
30	A	B	D	B	A	C	D	B
31	B	D	B	B	C	D	A	A
32	B	A	B	D	A	A	B	D

II. PHẢN TỰ LUẬN (2,0 điểm)

Câu	Nội dung	Thang điểm
	Vùng TD&MN Bắc Bộ có những điều kiện thuận lợi nào về đất đai và khí hậu để sản xuất cây công nghiệp lâu năm? Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp lâu năm và cây đặc sản ở TD&MN Bắc Bộ có ý nghĩa gì đối với kinh tế - xã hội của vùng?	1,0
1	- Đất đai: Đất feralit thích hợp với cây công nghiệp lâu năm.	0,25
	- Khí hậu: Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.	0,25
	- Ý nghĩa:	
	+ Phát triển nền NN hàng hóa có hiệu quả cao.	0,25
	+ Hạn chế nạn du canh, du cư trong vùng.	0,25
	Đoạn thông tin:	1,0
2	- Nguyên nhân gây xâm nhập mặn ở ĐBSCL: Mùa khô đến sớm và kết thúc muộn.	0,25
	- Ảnh hưởng:	
	+ Lúa bị thiệt hại nặng nề, hàng chục nghìn ha bị chết.	0,25
	+ Đời sống sản xuất của người dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng.	0,25
	+ Thiếu nước ngọt sinh hoạt từ 2 tháng trở lên.	0,25